THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/TT-TTCP

THÔNG TƯ

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2024 CổNG THỐNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ MBAN: 30101120 24

CÔNG VĂN ĐỀN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Giờ Ngày 30 1 Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân,

giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Kinh chuyển... 🌃 🕮

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham những ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham những;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết mốt số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 81/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những, tiêu cực.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chính, đối tượng áp dụng

- 1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
- 2. Thông tư này áp dụng đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tinh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và trách nhiệm trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điều 2. Nguyên tắc báo cáo

- 1. Đầy đủ, chính xác, khách quan, kịp thời.
- 2. Đúng quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham những, tiêu cực và hướng dẫn tại Thông tư này.

Chương II CÁC LOẠI BÁO CÁO, NỘI DUNG, THỜI KỲ LẤY SỐ LIỆU, THỜI HẠN GỬI BÁO CÁO

Điều 3. Các loại báo cáo

- 1. Báo cáo định kỳ là báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm.
- 2. Báo cáo chuyên đề là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề thuộc lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định.
- 3. Báo cáo đột xuất là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường trong các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những, tiêu cực được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc của Thanh tra Chính phủ.

Điều 4. Báo cáo định kỳ

- 1. Báo cáo Quý I, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm:
- a) Về công tác thanh tra: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện

nhiệm vụ công tác thanh tra trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác thanh tra được thực hiện theo Mẫu số 01 và các biểu số liệu 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/QLNN, 02/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.

- b) Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo Mẫu số 02 và các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.
- c) Về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này.
- 2. Báo cáo Quý II, Quý III và Quý IV chỉ thực hiện báo cáo theo các biểu số liệu sau:
- a) Về công tác thanh tra: các biểu số liệu 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/QLNN, 02/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.
- b) Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nai, tố cáo: các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.
- c) Về công tác phòng, chống tham những, tiêu cực: các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này.
- 3. Ngoài những nội dung được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo bổ sung nội dung tổng hợp chuyên sâu về kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những, tiêu cực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình gửi Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Báo cáo chuyên đề

1. Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hằng năm:

Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hằng năm: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo, dự báo tình hình

và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo được thực hiện theo Mẫu số 02 và các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết phải bổ sung nội dung, Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

2. Báo cáo chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hằng năm:

Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá về công tác phòng, chống tham những, tiêu cực trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo được thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết phải bổ sung nội dung, Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

3. Báo cáo chuyên đề khác: Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

Điều 6. Báo cáo đột xuất

- 1. Khi Thanh tra Chính phủ có yêu cầu báo cáo đột xuất trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thì Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm báo cáo theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.
- 2. Khi cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện những vấn đề đột xuất, có tính chất phức tạp trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những, tiêu cực liên quan trực tiếp tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho cơ quan thanh tra cấp trên và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được chỉ đạo, phối hợp xử lý.

Điều 7. Thời gian chốt số liệu, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

- 1. Thời gian chốt số liệu
- a) Đối với báo cáo định kỳ:
- Báo cáo Quý I từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo;
- Báo cáo Quý II, Quý III, Quý IV từ ngày 15 của tháng cuối quý trước đến ngày 14 của tháng cuối quý báo cáo.
- Báo cáo 6 tháng từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo.
 - Báo cáo 9 tháng từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng

9 của năm báo cáo.

- Báo cáo hằng năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.
- b) Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất: Thời gian chốt số liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra Chính phủ.
 - 2. Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo
 - a) Đối với báo cáo định kỳ:
- Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi địa bàn quản lý của cấp huyện gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo;

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tinh và tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi địa bàn quản lý của cấp tinh gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tinh chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, duyệt, gửi báo cáo Thanh tra Chính phủ chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo.

- Cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại cấp huyện gửi báo cáo cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đặt tại cấp tỉnh chậm nhất vào ngày 15 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo;

Cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại cấp tinh tổng hợp, duyệt, gửi báo cáo cơ quan được tổ chức theo ngành dọc cấp trung ương chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo;

Cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tổng hợp, duyệt, gửi báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổng hợp, duyệt, gửi báo cáo Thanh tra Chính phủ chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo.

Cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại cấp tỉnh, cấp huyện đồng thời gửi báo cáo đến cơ quan thanh tra và cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp để phục vụ quản lý. Cơ quan thanh tra và cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp không tổng hợp nội dung báo cáo của cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc vào báo cáo của mình.

- Trong trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tính quy định về thời hạn gửi báo cáo cho từng cấp theo thẩm quyền quản lý nhưng đảm bảo thời hạn gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo.
 - b) Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất: đối tượng báo cáo, thời hạn gửi

báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 8. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện bằng văn bản giấy, văn bản điện tử, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và được đóng dấu theo quy định.

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan thanh tra cùng cấp ký báo cáo thì thực hiện theo quy định về ký thừa ủy quyền.

- 2. Báo cáo được gửi tới cơ quan nhận báo cáo bằng hệ thống văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước và một trong số phương thức sau:
 - a) Gửi qua phần mềm hệ thống báo cáo của ngành Thanh tra;
 - b) Gửi qua thư điện tử của cơ quan hành chính nhà nước;
 - c) Gửi trực tiếp;
 - d) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
 - đ) Gửi qua Fax.
- 3. Số liệu báo cáo nhập liệu vào phần mềm hệ thống báo cáo của ngành Thanh tra theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Điều 9. Úng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

- 1. Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo điện tử của ngành Thanh tra; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo, chia sẻ dữ liệu theo các quy định của pháp luật.
- 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai, sử dụng có hiệu quả hệ thống báo cáo điện tử của ngành Thanh tra. Trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xây dựng hệ thống thông tin báo cáo điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của mình và chế độ báo cáo của Thanh tra Chính phủ.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

- 1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Thông tư này.
- 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2024.

Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhân: Ho

- Ban Bi thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phù;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị xã hội;
- HĐND, UBND tinh, TP trực thuộc trung ương;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; CSDL quốc gia
 về văn bản quy phạm pháp luật; Cổng TTĐT TTCP;
- Tổng TTCP, các Phó TTTCP, các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ;
- Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Thanh tra tinh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Luu: VT, KH-TH.

KT. TỔNG THANH TRA PHÓ TỔNG THANH TRA



hg báo cáo nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng,

hông tư số .**0.1**./2024/TT-TTCP ngày**,20** tháng **01** năm 2024 của Thanh tra Chính phủ)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO Nội dung về công tác phòng, chống tham những, tiêu cực

I. KÉT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, TIÊU CỰC

- 1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham những, tiêu cực
- b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham những, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp
- d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)
- đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham những, tiêu cực
- e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra)
- 2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
 - a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động
 - b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ
 - c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

- d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn
- đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt
- e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong co quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham những được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham những được phát hiện trong kỳ báo cáo.

- a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý
- b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán
 - Kết quả phát hiện vi phạm, tham những qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;
- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...);
 - Kết quả thực hiện các kiến nghị.
- c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo
 - d) Kết quả rà soát, phát hiện tham những qua các hoạt động khác (nếu có)
- đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương
 - e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng
 - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;
 - Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:
 - + Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;
 - + Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.
 - f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu
 - Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

- g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra
- Số vụ việc, số đối tượng tham những phát hiện trọng kỳ báo cáo;
- Kết quả xử lý tham nhũng (hình sự, hành chính).

4. Kết quả phòng, chống tham những trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước
- b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tinh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện)
- c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước
 - Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;
 - Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;
- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước;
- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham những, tiêu cực
- c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

- b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham những và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham những (nếu có)
- II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHỮNG (Báo cáo hằng Quý không phải báo cáo mục này)

1. Đánh giá tình hình

- a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân
 - b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

2. Dự báo tình hình tham nhũng

- a) Dự báo tình hình tham những trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)
- b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, TIÊU CỰC

- 1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham những, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương
- 2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham những, tiêu cực kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước
- 3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham những, tiêu cực
- 4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham những, tiêu cực;
- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỂ XUÁT

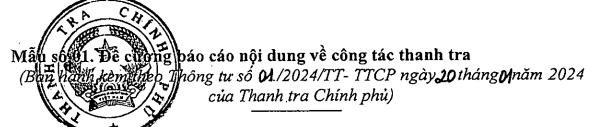
1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

- a) Phương hướng chung trong thời gian tới
- b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện
- c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

2. Kiến nghị, đề xuất

- a) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham những, tiêu cực (nếu phát hiện có sơ hỏ, bất cập)
- b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham những, tiêu cực (nếu có vướng mắc)
- c) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham những, tiêu cực, khắc phục những khó khăn, vướng mắc
 - d) Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

Lưu ý: Cần nêu rõ văn bản triển khai, số liệu dẫn chứng cụ thể đối với từng nội dung nhận xét, đánh giá và có sự so sánh với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO về công tác thanh tra

Khái quát tình hình kinh tế, xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương tác động trực tiếp đến triển khai công tác thanh tra; tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

I. KÉT QUẢ THỰC HIỆN

- 1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)
 - a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ, số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang, số cuộc triển khai trong kỳ, số cuộc theo kế hoạch, số cuộc đột xuất.

- b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)
- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra; trong đó số cuộc chậm ban hành kết luận thanh tra.
 - Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra);
 - Phát hiện vi phạm:
- + Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản quy thành tiền được phát hiện có vi phạm;
 - Kiến nghị xử lý vi phạm:
 - + Xử lý về kinh tế: Thu hồi về ngân sách nhà nước và xử lý khác về kinh tế;
- + Xử lý trách nhiệm: Xử lý hành chính (số tổ chức, cá nhân kết luận kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm), kiến nghị xử lý hình sự (số vụ, số đối tượng chuyển cơ quan điều tra);
- Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra.
 - Kiến nghị khác (nếu có).
 - c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)
- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo (tổng số; trong đó có số kết luận được kiểm tra trực tiếp);
 - Tiến độ thực hiện kết luận: Số kết luận đã hoàn thành, số kết luận chưa

hoàn thành việc thực hiện;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Về kinh tế, về trách nhiệm (xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra), về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra.
- d) Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN)
- Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra; số cuộc đã ban hành kết luận;
 - Kết quả thanh tra:
 - + Số đơn vị được thanh tra;
 - + Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra;
- + Kiến nghị xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có);
 - Kết quả thực hiện kết luận thanh tra:
 - + Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện;
- + Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm (hành chính, hình sự); về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có).
- đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực (chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)
 - Lĩnh vực Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng (Biểu số 03/TTr);
 - Lĩnh vực Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách (Biểu số 04/TTr);
 - Lĩnh vực Quản lý, sử dụng đất (Biểu số 05/TTr);
 - Lĩnh vực khác (nếu cần thiết);
- Đối với từng lĩnh vực trên phải nêu rõ: Số cuộc thanh tra, số đơn vị được thanh tra, nội dung thanh tra chủ yếu, các vi phạm điển hình, kiến nghị xử lý (về kinh tế, về trách nhiệm, về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật ...).
 - Kết quả thanh tra lại (nếu có);
- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): Tóm tắt kết quả thanh tra chuyên đề theo các tiêu chí nêu trên.
 - 2. Thanh tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)
 - a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện (số cuộc theo kế hoạch, đột xuất);
- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu;
- Số cuộc đã ban hành kết luận;
- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra (đã ban hành kết luận).
- b) Kết quả thanh tra, kiểm tra
- Số tổ chức, cá nhân vi phạm;
- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:
- + Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi (về ngân sách nhà nước, về tổ chức, đơn vị); số tiền kiến nghị xử lý khác;
- + Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (đối với tổ chức, cá nhân); số tiền xử phạt vi phạm hành chính (của tổ chức, của cá nhân); xử phạt bằng hình khác (số tổ chức, cá nhân); chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng) ...
 - c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra
- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (số tiền vi phạm đã thu hồi; số tiền vi phạm đã xử lý khác);
- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu; số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác);
 - Xử lý hình sự: Số vụ, số đối tượng đã khởi tố.
- 3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN)
- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ;
- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia.
- 4. Xây dựng lực lượng (chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm Biểu số 01/QLNN)
- Tổng số công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo (số thanh tra viên cao cấp, thanh tra viên chính, thanh tra viên và tương đương, ...);
- Biến động tăng, giảm số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo;
- Số người được chuyển đổi vị trí công tác/ số người phải chuyển đổi theo kế hoạch;
- Tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngành Thanh tra và số đã thực hiện (trong đó phân loại các khóa đào tạo nghiệp vụ: Thanh tra viên, thanh

tra viên chính, thanh tra viên cao cấp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nghiệp vụ liên quan khác);

- Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có vi phạm và kết quả xử lý (tổng số cá nhân vi phạm, đã xử lý, đang và chưa xử lý).

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- 1. Đánh giá về kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra: Về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra (số cuộc hoàn thành, số cuộc theo kế hoạch, số cuộc chậm ban hành kết luận thanh tra); về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan.
- 2. Đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra.
- Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra;
- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra;
- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra;
- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có);
 - Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành.
- 3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham những và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra
- 4. Nguyên nhân của những kết quả, của tồn tại, hạn chế (chủ quan, khách quan)
 - 5. Bài học kinh nghiệm (chỉ áp dụng đối với báo cáo hằng năm)

" III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu phương hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác thanh tra sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

IV. KIÉN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành mới, hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật còn sơ hở, bất cập phát hiện qua thanh tra (nêu rõ cụ thể văn bản và nội dung kiến nghị);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra (nếu có vướng mắc);
- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra;
 - Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

Lưu ý: Cần có sự so sánh số liệu với kỳ trước (hoặc cùng kỳ của năm trước) làm cơ sở cho việc nhận xét, đánh giá.

ống báo cáo nội dung về công tác tiếp công dân, giải quyết

hông tư số **01**/2024/TT- TTCP ngày **10** tháng **01** năm 2024 của Thanh tra Chính phủ)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Nội dung về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Khái quát chung về tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn (tăng, giảm); những yếu tố ảnh hưởng (tình hình kinh tế, chính trị, xã hội).

- a) Về khiếu nại: khái quát tình hình khiếu nại, so sánh cùng kỳ năm trước (tăng, giảm) tỉ lệ đơn khiếu nại của từng lĩnh vực
- b) Về tố cáo: khái quát tình hình tố cáo so sánh cùng kỳ năm trước (tăng, giảm), tỉ lệ đơn tố cáo của từng lĩnh vực

Lưu ý: Cần nêu rõ những vấn đề, lĩnh vực, nội dung mới là nguyên nhân làm phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo trong kỳ.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

Phân tích theo 02 nhóm nguyên nhân chủ quan và khách quan.

II. KÉT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỮ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIỀU NAI, TÓ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD)

- Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp; số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần); số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần), ...
- Kết quả tiếp công dân của của thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền); trong đó làm rõ kết quả tiếp công dân định kỳ của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các cấp (so với quy định của Luật Tiếp công dân).
- 2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định, ...)

- a) Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận trong kỳ
- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận;
- Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý.
- b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:
- + Số đơn, số vụ việc khiếu nại;
- + Số đơn, số vụ việc tố cáo;
- + Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh;
- Phân loại theo tình trạng giải quyết
- + Số đơn, số vụ việc đã giải quyết;
- + Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết.
- c) Kết quả xử lý đơn
- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền;
- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết/ tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

- a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)
- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết;
- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nai đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra...;
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại;
- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố...
 - b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)
- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết;
- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, ...;
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo;
- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, ...
 - c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (04/XLD)

- Tổng số vụ việc đã giải quyết/tổng số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (03/QLNN)

- a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo
- b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật
 - Số văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ;
- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (số lớp, số người).
- c) Thanh tra trách nhiệm (tổng số cuộc, tổng số đơn vị được thanh tra, số đơn vị có vi phạm), kiến nghị xử lý trách nhiệm (hành chính, chuyển cơ quan điều tra); đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý: Tổng số kết luận thực hiện, kết quả thực hiện (số tổ chức, cá nhân đã xử lý hành chính, khởi tố).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Uu điểm, kết quả

Đánh giá kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy định về tiếp công dân của người đứng đầu, nhất là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh; tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền so với mục tiêu; tỷ lệ thực hiện quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và Nhân dân; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; công tác xây dựng lực lượng; việc ứng dụng công nghệ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ...

2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tồn tại, hạn chế về các nội dung đã nêu ở phần ưu điểm.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan, chủ quan của những ưu điểm, tồn tại, hạn chế.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Nêu dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo; những lĩnh vực, vấn đề, nội dung cụ thể có thể là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo trong thời gian tiếp theo.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ được thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

VI. KIÉN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo và hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập).

Lưu ý: cần nêu rõ, cụ thể văn bản và nội dung kiến nghị.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có vướng mắc).
- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
 - Các nội dung kiến nghị, đề xuất khác.

Lưu ý: Cần có sự so sánh số liệu với kỳ trước (hoặc cùng kỹ của năm trước) làm cơ sở cho việc nhận xét, đánh giá.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày..../../... của)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

-	Số cuộc	thanh tra	a thực h	iện tron	gkỳ	Số	Số	_	phạm về h tế				К		iị xử lý		<u> </u>	uat (III)
			Phân	ı loại		cuộc thanh	đơn vị được	Tiền và		1	nồi về NN	Xử lý về ki		Hành	chính		ển cơ điều tra	Hoàn thiện
Đơn Vị	Tổng số	Triên khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất	tra đã ban hành kết luận	thanh tra theo kết luận	tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	Vự	Đối tượng	cơ chế, chính sách (số văn
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng								·										

19. Ghi chú:

- Biểu này là biểu tổng hợp về thanh tra hành chính, bao gồm cả số liệu tại các biểu 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr và thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KNTC, PCTN
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Côt (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

Daniel 45-4- Tib. 4-20 - ab - 1-45- - 2-

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày..../.../....của)

	, 		,					-										<u>oon vi t</u>	1111111: 1	en (trie	u đồng),	at (m ⁻)
	•	in thanh tra thực hiện Trong đó	Tiến để hiện ki	ộ thực ết luận		Si về ngâr		nà nước (m2)		(ử lý khác (Tr.đ)		tế (m2)		Kử lý hà		_		yến cơ q		· · · · · ·	văn	sách (số bản)
Đơn vị	Tống số	số kết luận chưa thực hiện xong kỳ trước chuyển sang	luận	luận chưa hoàn	Tổng số tiền	Số tiền	Tổng số đất nhải	Số đất	Tổng số tiền phải	Số tiền	Tổng số đất phải vử lý	Số đất	Tổ chức	ố phải Cá nhân	Tố chức	Cá nhân	Vų	Đối tượng	Vụ	ố trong Đối tượng	Töng sö văn bản kiến nghị phải hoàn thiên	Sö van bản kiến nghị đã thực hiện xong
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng																	-					

23. Ghi chú:

- Côt (1)=3+4: Tổng số kết luận thanh tra được thực hiện đồn đốc, kiểm tra trong kỳ báo cáo
- Cột (2): Số kết luận thanh tra được kiểm tra trực tiếp nằm trong tổng số kết luận thanh tra được kiểm tra, đôn đốc ở cột (1): Cột (2) <= (1)
- Từ Cột (3) là số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện các kết luận thanh tra nêu tại Cột (1)
- Cột (3): Số kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% việc thực hiện các kiến nghi nêu tại kết luận
- Cột (5); Tổng số tiền phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải thu từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (6): Tổng số tiền đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; (6) <= (5)
- Cột (7); Tổng diện tích đất phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số diện tích đất phải thu từ các kết luận trong kỳ + số diện tích đất chưa thu được từ các kết luân kỳ trước chuyển sang
- Cột (8): Tổng diện tích đất đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= (7)
- Cột (9): Tổng số tiền phải xử lý khác (xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...) trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải xử lý khác từ các kết luân trong kỳ + số tiền chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (10): Tổng số tiền đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (10) <= (9)
- Cột (11): Tổng diện tích đất phải xử lý khác trong kỳ báo cáo, gồm số đất phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số đất chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luân kỳ trước chuyển sang
- Côt (12): Tổng diên tích đất đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (12) <= (11)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 23 (nếu có)

TÔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BÀN

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng): đết (m²)

	Số cuộc	thanh tra	a thực h	iện tron	g kỳ	Số			phạm về h tế				Ki		i xử lý		u uong).	; dat (m*)
			Phân	loại		cuộc thanh	Số đơn vị	Tiền và	.,	1	ıồi về NN	Xử lý về ki	khác nh tế	Hành	chính		ển cơ điều tra	thiện cơ
Đơn vị	Tổng số	Triến khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất	tra đã ban hành kết luận	được thanh tra	tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	chế, chính sách (số văn
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	_12	13	14	15	16	17	18
Tổng		<u> </u>	<u> </u>		_		<u> </u>		<u> </u>		<u></u>							

19. Ghi chú:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Côt (1) = Côt (2) + (3) = Côt (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

TÔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

Đơn ví tính: Tiền (triệu đồng): đất (m²)

	Số cuộc	thanh tr	a thực h	iện trong	j kỳ	Số			phạm về h tế				Ki	ến ngh			,u dong _j	, age (III)
			Phâr	ı loại		cuộc thanh	Số đơn vi	Tiền và		1	nồi về NN	Xử lý về ki	_	Hành	chinh	_	/ển cơ điều tra	thiện cơ
Đơn Vị	Tổng số	Triến khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất	tra đã ban hành kết luận	được thanh tra	tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	V ų	Đối tượng	chế, chính sách
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng														-		_		

19. Ghi chú:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Côt (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra hành chính về lĩnh vực tài chính ngân sách triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Côt (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Số liệu tính từ ngày..../...đến...ngày.../...

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày..../... của)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

	Số cuộc	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ		j kỳ	Số			phạm về h tế				K	iến ngh	i xử lý		<u> </u>	()	
			Phân	loại		cuộc thanh	Số đơn vị	Tiền và			nồi về NN	Xử lý về ki		Hành	chính		rền cơ điều tra	thiện cơ
Đơn vị	Tổng số	Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất	tra đã ban hành kết luận	được thanh tra	tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	chế, chính sách (số văn
Ms	1=2+3=4+5		3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng						<u> </u>	<u> </u>			<u> </u>								

19. Ghi chú:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Côt (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra hành chính về lĩnh vực đất đai triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liêu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Côt (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8)=(10)+(12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành VNĐ theo tỉ giá của ngân hàng NN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bỗ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

TỔNG HỢP KÉT QUẢ THANH TRA, KIỆM TRA CHUYỆN NGÀNH Số liệu tính từ ngày...../....đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày....... ngày..........)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

		ộc thani tra tron	•	Số cuộc thanh	Số tổ chức	Số cá nhãn		tổ chức ân vi ph		Tổng số tiền v và tài sản quị	y thành		Số tiền hỗi (tiền thi	kiến ng và tải s ành tiể:	ản quy	cá	Quyết ở	ijnh xử inh đượ	phạt rc ban		Xử phạ	ıt vi ph	ạm hành d	<u> </u>	,	Chu	vễn cơ
Đơn vị		Phân	loại	tra, kiểm	i	được thanh				(Tr.	.đ) 		[(Tr.đ)	···	kiến nghị		hành		Bằng	tiền (T	r.đ)	Bằng hì	nh thức	khác		điều tra
"	Tổng số	Kế hoạch	Đột xuất	tra đã ban hành kết luận	tra, kiểm tra	tra, kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	vè nsnn	Về tổ chức, đơn vị	xử lý khác (Tr.đ)	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vự	Đối tượng
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12=13+16	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26	27
																					_						
Tổng					<u> </u>	<u> </u>												<u> </u>									

28. Ghi chú:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1)=(2)+(3)
- Sổ tiền kiến nghị thu hồi là số tiền hoặc tài sản quy thành tiền thu nộp ngân sách nhà nước gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý...
- Cột (4): Số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận, thông báo kết quả,...
- Số liệu từ Cột (5) trở đi là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ nêu tại Cột (4)
- Cột (7)=(8)+(9); Cột (10)=(11)+(12) =(13)+(16); Cột (13)=(14)+(15); Cột (17)=(18)+(19); Cột (20)=(21)+(22); Cột (23)=(24)+(25)
- Cột (16): Số tiền kiến nghị xử lý khác, ngoài số tiền kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, tiêu hủy tài sản vi phạm, tang vật, phương tiện vi phạm hoặc các trường hợp xử lý khác quy thành tiền
- Cột (23): Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình khác (không phải bằng tiền) như: cảnh cáo, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, hoặc đình chỉ hoạt động...
- Nếu 1 tổ chức bị xử phạt bằng nhiều hình thức (vừa bằng tiền, vừa bằng hình thức khác) thì thống kê vào cả hai cột (21), (24). Tương tự đối với cá nhân thì thống kê vào hai cột (22), (25)
- Nếu 1 tổ chức bị xử phạt bằng nhiều hình thức khác (không phải bằng tiền) thì chỉ thống kê 1 lần vào cột (24). Tương tự đối với cá nhân thì thống kê vào cột (25)
- Những nội dung cần ghi chú thể hiện tại dòng 28 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA CHUYỀN NGÀNH Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày..../....................)

			Kết quả thực vi phạm về ki)					iện quyết ạm hành cl		DOII VI	um. He	n (triệu đồng
Đơn vị	1	phạm đã thu hỏ sản quy thành t (Tr.đ)		Số tiền vi	phạm đã ɔ	ư lý khác		n xử phạt v chính đã th	/i phạm	phạm hài	rc, cá nhâi /ết định xủ nh chính b thức khác	phạt vi ằng hình	Đã	khởi tố
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	Về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	. 11	12	13	14
Tổng														

15. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc

- Cột (1) = (2) + (3): Tổng số tiền vi phạm đã thu hồi là kết quả thực hiện kiến nghị thu hồi ở cột (15) của biểu Tổng hợp kết quả thanh tra chuyên ngành (Biểu 06/TTr)
- Cột (2): Số tiền vi phạm đã thu hồi về ngân sách nhà nước là kết quả thực hiện kiến nghị thu hồi về NSNN ở cột (19) của biểu Tổng hợp kết quả thanh tra chuyên ngành (Biểu 06/TTr)
- Cột (3): Số tiền vi phạm đã thu hồi về tổ chức, đơn vị là kết quả thực hiện kiến nghị thu hồi về tổ chức, đơn vị ở cột (20) của biểu Tổng hợp kết quả thanh tra chuyên ngành (Biểu 06/TTr)
- Cột (4)=(5)+(6); Cột (7)=(8)+(9); Cột (10)=(11)+(12)
- Những nội dùng cần ghi chú thể hiện tại dòng 15 (nếu có)

TỔNG HỚP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../.../

	,				
(Kèm theo Báo cáo số	ngày	tháng	năm	của)

							Tiếp thư	ông xuyê	èn .									Tiế	p định k	ý và đột	xuất c	ùa Thủ	trưởng						
			;			Şố vị	ı việc	Tron	g đó đoài	n đóng n	gười		-		1	hủ trưở	ng tiếp					· · · · ·			Úy quyế	n tiếp			·
Đơn vi	Tổng số	Tổng số người	Tổng số vự việc tiếp	Số	Só						Şố vụ				Şốv	ų việc	Tron	g đó đoà	n đông r	gười				Số v	ų việc	Troi	ng đó đoả	ın döng ı	người
	lượt tiếp	được tiếp	мес пер	lượt tiếp	người được tiếp	Tiếp Jần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	víệc tiến	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều Iẩn	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	VIEC	Số kỳ tiếp	iượt	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	viec
мѕ	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16 +24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
				-		<u> </u>							-																<u> </u>

30. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vi trực thuộc

- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Vu việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)

- Đoàn động người là đoàn có từ 5 người trở lên

- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp

- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)

- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)

- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số	ngày tháng	năm của	

	Tổng s	ố đơn phả	Số đơn Đù điều kiện xử l Số đơn chưa xử		Số đơn	Đù điều kiện	xử tý	1	ân loại đ eo nội du			loại đơr rạng giải					Kết quả	xử lý đo	'n			Số văn
Đơn		Кŷ	Tiếp	Số đơn đã xử	lý					Kiến	Đã giả	i quyết	Chua	Đơ	n thuộc	lhẩm quy	/ền		Đơn khô thẩm			bản phúc đáp nhận
vi	Tổng số	trước chuyển sang	nhận trong kỳ	lý	(chuyển kỳ sau xử lý)	Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	nghị, phản ánh	Lần đầu	Nhiều lần	giải quyết xong	Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	được do chuyển đơn
MS	1= 2+3 = 4+5	2	3	4	5	6 = 8+9+10 = 11+12+13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+1 6+17	15	16	17	18=19+ 20+21	19	20	21	22
				<u>. </u>																		

23. Ghi chú:

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- $C\delta t(1) = C\delta t(2) + (3) = (4) + (5)$
- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)
- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo quy định;
- Côt (6) = Côt (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)
- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (6))
- Cột (8): Số đơn khiến nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết xong (13)
- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn KNPA)
- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

TÔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIỀU NAI Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../.../...

	Tổng	số đơn p lý	hải xử	Ð	ơn đã xử	e lý		điều xừ lý	Phâr	ı loşi v	ụ việc	khiếu i	nại theo	nội dun	g	ı	•	vụ việc kh trạng giải	. •		ĸ	ét qu	ràxử lý đ	O'n		Số văn bản
	' l=d== "F 416m fernéen """								Lĩnh v	ψc hàn	h chín	h		Lĩnh		Đã đ	urợc g	iải quyết	Chua	Vụ việ thẩm		•		việc khốr thẩm qu		phúc đáp nhân
Đơn vị	Tổng số	kỳ trước chuyển sang	tiếp nhân	Tổng	6	nhận trong	đơn	Số vụ việc	Tổng	Chế độ, chính sách		Khác	Lĩnh vực tư pháp	vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Lần đầu	Lần 2	Đã có bàn án của TAND	giải quyết xong	Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	: Hượng dẫn	Đôn đốc giải quyết	được do chuyển
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26
	-															_										

27. Ghi chú:

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển. ...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- -Cot(1) = (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)
- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLD
- Côt (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20) + (23)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đại, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà....
- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án....
- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...
- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn làn đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyệt (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (20) = (21) + (22)
- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (22): Số vụ việc khiếu nai lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết
- Côt (23) = (24) +(25)
- Cột (26). Thống kế số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nôi dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TÓNG HỢP KẾT QUẢ XỪ LÝ ĐƠN TÓ CÁO

Số liệu tính từ ngày.....l....đến....ngày....l....l

	Tổng s	ố đơn ph	ài xừ lý	Đ	on đã xử	Iý		Đủ điều kiện xử lý		Phân	loại vụ	việc tố	cáo th	eo nội đ	ung				ai vụ việ tình trạn quyết				Kết q	uả xử lý đo	'n	<u> </u>	Số văi
Đơn		Đơn kỳ	Đơn		Đơn kỷ	Đơn			Līnh	vực hà	nh chír	ıh			Līnh	Līnh		Tố cá	io tiếp	_	Vụ thuộc th	việc ảm qu	uyèn	Vụ việc k	hông thuộ quyền	c thẩm	hàn
VI	Tổng số	trước chuyển sang	ı vep	Tổng	le	tiếp nhận trong kỳ			Tổng cộng	Chế độ, chính sách	đai, nhà	_	Khác	Tham nhūng	νψc	vực Đảng, đoàn thể		Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Chưa giải quyết	Tổng số		Cão	Tổng số	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	nhận được d chuyể: đơn
мѕ	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+14+15+16+17= 18+19+20=21+24	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14	15	18	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
<u>.</u>														 						_							

28. Ghi chú:

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)
- Cột (7) = Cột (9) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = (9) + (14) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) = (21) + (24)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...
- Cột (20): Số vụ việc tố cáo công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (21) = Cột (22) + (23)
- Cột (24) = Cột (25) + (26)
- Cột (27): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào đòng 28 (nếu có)

TỔNG HỢP KÉT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số	ngày	tháng	năm	của	1
17.00.00 000 000 000		g	///////	<i>UU</i> a	

	Tổng	số đơn p lý	hải xử		đã xem x ều kiện xủ		Đơn đi	ù điều kiện xử lý	Phân	-	ų việc dung	theo		việc theo tỉnh ải quyết		Kết quả x	ử lý đơn		Kết quả gi việc thuộc	ải quyết vụ thẩm quyền
Đơn vị		Số đơn kỳ	Số đơn	,	Đơn kỳ	Đơn tiếp			Chế						Vụ việc	Vụ việc ki	iông thuộ quyền		,	a f
	số	trước chuyển sang	tiếp	Tổng số	trước chuyển sang	nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp		Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	thuộc thẩm quyền	Tổng số	Chuyển đơn	Đôn	Số vụ việc đã giải quyết	chưa giải quyết
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12= 13+14 = 15+18	9	10	11	12	13	14	15	16 = 17+18	17	18	19	20
					<u> </u>			-				<u> </u>								

21. Ghi chú:

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)
- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD
- $C \circ t(8) = C \circ t(9) + (10) + (11) + (12) = C \circ t(13) + (14) = C \circ t(15) + (18)$
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thầm quyền giải quyết
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

TÔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIỀU NAI THUỘC THẨM QUYỀN Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

th		thuộc n							K	(ét quả :	giải qu	yết							F	hân tí	ch kết q	uả giải	quyết	(vụ việ	c)
			Tổng số vụ việc	Đã giả		hồi ch	o Nhà		Trả lại	cho tổ :	chức, c	á nhân				С		•	Giải q	ιυγết lầ	in đầu			thời	p hành nạn giả uyết
	Kỳ trước	nhận	nại	Số vụ	Số vụ việc rút đơn			Tổ c	hức	Cán	hân	Số tổ chức	Số cá nhân	Tổng số	4 .	1							6172	1	Không
so	sang	kỳ	thẩm	quyết bằng QĐ hành chính	thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)		Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	trà lại	trả lại quyền	bị kiến nghị	bộ, công chức, viên chức	Số Vụ	số người	bộ, công chức, viên chức	nại đúng	nai sai		امما	QĐ g/q lần đầu	giup drà Đụng	đúng quy định
1=2+3	2	3	4	5=20+21+22+ 23+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng số	Kỳ Tổng trước số chuyển sang	Tổng trước nhận số chuyển trong sang kỳ	Tổng số vụ việc khiếu Tổng trước nhận nại trong thuộc sang kỳ thẩm quyền	Tổng kỳ Tiếp khiếu nại thuộc giải chuyển sang kỳ thầm quyền hành chính	Tổng trước chuyển trong sá vụ việc giải thông qua giải thích, thuyết chính chính	Tổng trước nhận chuyển sáng kỳ thầm quyền hành thuyết chính phục	Tổng trước nhận trong số vụ việc khiếu nai thuộc thẩm quyền kỳ kỳ truyền trong sang kỳ thiểm quyền bằng QĐ giải thích, thuyết chính phục Kiện phục Kiến nghị thu hỏi cho Nhà nước Số vụ việc giải trong quyết thẳm quyền bằng QĐ giải thích, thuyết chính phục	Tổng kỳ Tiếp nhận chuyển kỳ kiếu nại thuộc khiểu nayên hành quyền hành thuyết chính phục Tổng số vụ việc khiểu nai thuộc việc giải rút đơn quyết bằng QĐ giải thích, thuyết chính phục Tổng số vụ việc lài rút đơn quyết thông qua giải thích, thuyết chính phục Tổ c	Tổng số vụ việc khiểu nại thuộc sang kỳ trước thằm quyền hành thuyết chính phục Tổng hành thuộc sang xỷ truyền chính phục Tổng hành thuộc thần quyền chính phục Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước Trả lại nước Trở chức Trở chức Tổ chức Tru đơn thông qua giải thích, (Trđ) (m²) Tiền Đất (Trđ) (m²)	Tổng trước nhận chuyển trong sang kỳ thầm quyền hành thuyết chính phục Tổng 3 3 4 5=20+21+22+ 6 7 8 9 10 11	Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc sang kỳ trước thằm quyền hành thuyết chính phục Trà lại cho tổ chức, co lợc	Tổng số vụ việc khiểu nại thuộc sang kỳ kỷ trước thẩm quyền hành thuyết chính phục Tổng sang xã 2 2 3 4 5=20+21+22+ 6 7 8 9 10 11 12 13	Tổng số vụ việc khiểu nại thuộc nhận chuyển sang kỳ thần quyền lợi lợi lợi	Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc sang kỳ hàm quyền hành thuyết chính phục Tổng số vụ việc thầm quyền chính phục Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước Tổ chức, cá nhân hành Trả lại cho tổ chức, cá nhân hành Số tổ chức chức chức được được được thầm quyền hành thuyết chính phục Tiền Đất (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) lợi vữ lý xử lý	Tổng số vụ việc khiểu nại thuộc nhận chuyến sang kỳ hành thiến nghi thiến nước thẳm quyền hành thiến nhận thuộc hành thuyết chính thuộc sang and thuộc hành thuyết chính thuộc sang lợi	Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc sang kỳ hàm quyền hành thính thuyết chính phục Tổng sang xà 12 2 2 2 2 4 5=20+21+22+ 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17	Tổng số vụ việc trước chuyển trong kỳ trước thầm quyền hành thính thúng qua giải thích, hành thính thúng thinh thính thí	Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc nhận chuyển sang kỳ nhận thuộc hành thính phục Tổ chức (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19	Tổng số vụ Việc khiều nhận trong số vụ việc giải thuộc kỳ hành chính thong sang kỳ hành chính thong sang QĐ hành chính thong chuyển chính thong qua thong qua quyết bằng QĐ hành chính thong số cán thong hành chính thong qua thong quayết bằng QĐ hành thuyết chính phục thong quayết (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) (Trđ) (m²) trà lại thuộc trà lại trà lại trà lại trà lại thong quayến quyển chức viên chức viên chức viên chức trà lại thong quayết bằng QĐ hành thuyết chính phục thong quayết thong quayết lợi trà lại trà l	Tổng số vụ việc khiều nhận trong số vụ việc thẳm quyền hành thính thuyết bằng QĐ hành thính thinh thinh thinh phục Tổ chưyển chuyển chính thuyết bằng QĐ hành thính thuyết chính thinh thi	Tổng số vụ việc khiều nai trong số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính Số và việc giải thước thẳm quyền chuyển chuyển chính lành lành lành lành lành lành lành là	Tổng số vụ Việc khiếu nhận trong sáng kỳ trước chuyển giải thích, hành chính trong sang kỳ thần QĐ hành chính trong sang kỳ thần trong sang trước thần trong sang trước thần trong sang trước thần trong sang trừ đơn thông qua sang trong thần trong số cán thông qua sang trình thuyết trừ trẻ lại trẻ lài trẻ	Tổng số vụ Việc khiều nhận trong sống kỳ trước chuyển trong sang kỳ thầnh chính trong sang kỳ thầnh chính thầng QĐ hành chính thuyết chính thuyết chính thuyết chính thuyết phành chính thuyết chí	Tổng số vụ việc khiếu nhận chính Số vụ việc giải trước chuyển sang kỳ trước thằm quyền hành chính thuyết chính thuyết chính thuyết chính thinh thinh thuyết chính

27. Ghi chú:

- Côt "Đơn vi" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Côt (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê vào cột này
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thống kê tại Cột (5), (6))
- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vị phạm liên quan đến khiếu nai và giải quyết khiếu nai
- Côt (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nai (<= Côt 15)
- Cột (19); Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nai và giải quyết khiếu nai
- Côt (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nai và giải quyết khiếu nai
- Côt (19); Thống kệ số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nai và giải quyết khiếu nai (<= Côt 18)
- Côt (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nai
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIỀU NẠI

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

Đơn vị tính: Tiển (triệu đồng), đất (m²)

	-1 6		Thu	hối ch	o nhà r	ıước				cho tố	chức, c	á nhâi	n		Đã xử lý l	nành chính		Đã khở	vi tố
İ	Tổng số	Số quyết	Phả	i thu	Đã	thu		Phả	i trả			Đã	trả						
Đơn v	quyết định phải thực	định đã	-:à	Đất	Tiền	Đất	Tổ c	hức	Cá r	hân	Tổ c	hức	Cár	nhân -	Tổng số	Trong đó số cán bộ,		Số	Trong đó số cán bô,
	hiện trong kỳ	thực hiện xong	Tiền (Trđ)		(Trđ)	l	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)		người bị xử lý	công chức, viên chức	Số vụ	người	công chức, viên chức
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

20. Ghi chú:

- Côt "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong kỳ, bao gồm số quyết định chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số quyết định ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện
- Cột (2) Số quyết định giải quyết khiếu nại đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (15): Thống kê số người đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (18): Thống kê số người đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 20 (nếu có)

TÔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TÓ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

	Đơn t	ố cáo thu quyền											K é t q	uā giāi	quyét												ch kết q ết (vụ vi				ành thời ài quyết
Đơn				Tổng số vụ việc tố cáo	Trong đó số		E	da giái quyết			Kiến n hồi ch nu	o Nhà		cho tô	chức, c	i nhân	Số tỏ	Số cá		nghị xử lý nh chính	,	Chuyển c điều	or quan tra						Trong		
vi	Tổng số	Kỳ trước chuyển	Tiếp nhận	thuộc thẩm	vụ việc tổ cáo tiếp		Số vụ	Số vụ việc	Số vụ việc rút			Đất	Tổ c	ħức	Cár	hân	chức được trả lại	nhân được trả lại	Số người	Trong đó số cán			Trong đó số cán	cáo	Trong đó tổ cáo	Tố cáo	Trong đó tố cáo	Tố cáo có	đó tố cáo	Đủng quy	Không đúng
	sô	sang	trong ky	quyên		Tổng số	việc lần đầu	tố cảo tiếp		không	(Trđ)		Tiễn (Trđ)	Đất (m²)	Tiến (Trđ)	Đất (m²)	quyễn lợi	iọi	kiến nghị xử tý	bộ, công chức, viên chức	VŲ.	Số đối tượng	bộ, công chức, viên chức	đứng	tiếp đúng	Sal	tiếp sai	đúng, có sai	4000	định	dnà qiup
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10 =30+31>=24 +26+28		B=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
																						<u></u>								_	

32. Ghi chú:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (20) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (26) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (5): Số vụ việc tố cáo tiếp thuộc thẩm quyền, số liệu nằm trong số liệu vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền thống kê tại Cột (4)
- Cột (6) = (7) + (8) + (9) + (10) = (30) + (31) >= Cột (24) + (26) + (28)
- Cột (8): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp đã được giải quyết = Cột (25) + (27) + (29)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo đã thống kê ở Cột (6)
- Cột (19): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (20): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 19)
- Cột (22). Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (23): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 22)
- Cột (25): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp đúng, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (24)
- Cột (27): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (26)
- Cột (29): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp có đúng, có sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (28)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 32 (nếu có)

Biểu số: 04/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TÓ CÁO

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

1					o Nhà r					Trá	lại ch	o tố ch	ức, cá nhâ						Đã x	ử lý hà	nh chính	[Đã khỏ	vi tố
		Số kết	Phả	i thu	Đã	thu		Phá	ài trả					··-	Đã trả				j					T
	Tổng số			1	! ,				Tôc	hức	Cár	nhân			Tốc	hức	Cá	nhân	T	~ š	Trong đó		1	Trong đó
Đơn vị	kết luận phải thực hiện		Tiền (Trđ)		Tiền (Trđ)	Đất (m²)	1 :	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	được trả	Tiền	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	số tổ	nhân	bộ, công	Số vụ	Số đối tượng	số cán bộ, công
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
				<u> </u>	ļ—																			
L	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>			L					L	L	I		L				L	<u> </u>			L	<u> </u>

25. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo phải thực hiện trong kỳ (bao gồm số kết luận, xử lý tố cáo chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số kết luận, xử lý tố cáo ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện)
- Cột (2) Số kết luận nội dung tổ cáo, xử lý tố cáo đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Côt (19): Thống kê số tổ chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (21): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 20)
- Cột (23): Thống kê số đối tượng đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (24): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 23)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, TIÊU CỰC

Số liệu tính từ ngày..../.... đến ngày.../..../

(Kèm theo Báo cáo số:ngày....thángnăm...... của)

MS	NỘI DUNG	TVG	SÓ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới đề thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thị hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thị hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYÊN, PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÈ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	·
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc .	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	Kiến nghị xử lý hành chính	18 IL 3	
10	+ Tập thể	tập thể	
11	+ Cá nhân	người	
	Kiến nghị xử lý hính sự		
12	+ Số vụ	VŲ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	PHÒNG NGỪA THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TÓ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ	148 - 52 -	<u></u> ,
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vų	
20	ISố người vị pham các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người :	
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý		
27	Số người đã nộp lại quả tặng cho đơn vị	Người	

28	(ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
29	The region of the second of th	Người		
30	SA normài hi suò lo da la cala la la cala de	Người		
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn			
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác phẩm	l	 	
	ipnong ngura tham nhũng	i Người		
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người		
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh			
	toan knong dung tien mật			
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục		
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	i nu tục		
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục		
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc		<u> </u>
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	***	 	
ļ		Vụ		
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng		<u></u>
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%		1
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn	•	4.5	
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ			
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	 	
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai,	Người	 	
42	reong khai ban ke khai tai san, thu nhập	CQ, TC, ĐV	1	
43	Số người bị kỷ luật do vị phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	 	
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	 	
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người		++
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
44	Tổng số vụ việc tham những được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vu	 	
45	Tổng số đối tượng có hành ví tham những được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	 -	
<u> </u>	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		 	
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vψ		$\neg \exists$
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người		
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ		
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·		
	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong	Người	<u>.</u>	
50	co quan co chức nang phóng, chồng tham những, tiệu cực	Vụ		
-	- Trong đó số vụ tham những được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham những trong cơ quan thanh tra	νụ		
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người		
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người		
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán			
	Số vụ tham những được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ		
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vų		
		L		

55 Số dối tượng có hành vi tham những được phát hiện qua hoạt đồng thàm trán 56 Số vụ tham những được phát hiện thông qua hoạt đồng kiểm toán 57 Số đối tượng có hành vi tham những được phát hiện thông qua hoạt đồng kiểm toán 58 Số vụ việc có phát nàh, báo cáo về hành vi tham những 58 Số vụ việc có phát nàh, báo cáo về hành vi tham những 58 Số vụ việc có phát nàh, báo cáo về hành vi tham những 59 Số vụ việc có phát nàh, báo cáo về hành vi tham những đã được xem xét 50 vu tham những phát hiện thông qua xem xét nói dung phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 59 Số vụ tham những phát hiện thông qua xem xét nói dung phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 50 số vi tham những chi khiếu ngụ, tố cáo 50 Số vu tham những thược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 50 Số vu tham những dược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 50 Số vu tham những dược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 50 Số vu tham những thược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 61 Số vu tham những nhật khiếu ngọi các hoạt động khác 62 Số vu tham những thược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 63 Số vụ thàm những nhật khiếu ngọi các hoạt động khác 64 Số vu tham những nhật khiếu ngọi các hoạt động khác 65 Số và hiện những dực các hoạt động khác 66 Số vụ thàm những nhật khiếu ngọi các hoạt động khác 67 Số đối tượng có hành vi tham những nhật thận qua các hoạt động khác 68 Số vụ thàm những (thược phạm vi quản lý) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ 68 Số vụ thà tham những (thược phạm vi quản lý) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ 69 Số người tổ cáo hành vi tham những dược dược bò vệ theo quy định của pháp luệt 60 Số vụ thàm những người tổ cáo, phát hiện tham những 60 Số người tổ cáo hành vi tham những được dược bò vệ theo quy định của pháp luệt 61 Số người tổ cáo hành vi tham những đức bù vệ thọc dùa 62 Số người tổ cáo hành vi tham những để khiện tham những 63 Số người tổ cáo hành vi tham những để khiện tham những 64 Số vụ thàm những đố bọ bộ người đượng đầu bị kết luện	,			
55 Số dối tương có hành vi tham những được phát hiện thông qua hoạt đóng kiểm toán Người Qua xem xét phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 58 Số vu việc có phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 59 Số vu việc có phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 59 Số vu việc có phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 59 Số vu việc có phán ánh, báo cáo về hành vi tham những 50 Số vu tham những phát liện thông qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những phát hiện thong qua xem xét nội dùng phán ánh, báo cáo về hành vi tham những phát hiện qua giải quyệt khiểu nại, tổ cáo 63 Số vư tham những được phát hiện thông qua sác hoạt động khác 64 Số vự tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác 65 Số dối tương có hành vi tham những phát hiện qua các hoạt động khác 66 Số vư tham những (thuộc phạm vi quán lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố 67 Số đối tương tham những (thuộc phạm vi quán lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố 68 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những dược được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 60 Số người độ cáo luệnh những được được bào vệ theo quy định của pháp luật 61 Người 71 Số người độ cáo luệnh vi tham những đầu được khá thiểu trách n	55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
Cua xem xét phầm ảnh, báo cáo về hành ví tham những Số vụ việc có phần ánh, báo cáo về hành ví tham những Vụ việc Số vụ thà có phần ánh, báo cáo về hành ví tham những Số vụ tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, báo cáo về hành ví tham những 15 Số đối tương có hành ví tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, báo cáo về hành ví tham những Qua cống tác giất quyất khiểu nại, tổ cáo Số vụ tham những được phất hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo Số vụ tham những được phất hiện thông qua các hoạt động khác Số vụ tham những được phất hiện thông qua các hoạt động khác Vụ 35 vu tham những được phất hiện thông qua các hoạt động khác Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nhũ trên, nấu có) 43 Số vu tham những được phất hiện thông qua các hoạt động khác Qua điểu tra tội pham 54 Số dòi tương có hành ví tham những phát hiện qua giải quyệt khiểu nai, tổ cáo Người Qua điểu tra tội pham 55 Số dòi tương có hành ví tham những qua các hoạt động khác Qua điểu tra tội pham 56 Số dòi tương có hành ví tham những qua các hoạt động khác Người 56 Số đối tương tham những (thuộc phạm ví quán lý) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ Người 56 Số đối tương tham những (thuộc phạm ví quán lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ Người 56 Số người tổ cáo hành ví tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật vịc lố cáo Số người đống đầu nhà ví tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật vịc lố cáo hành ví tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật vịc lố cáo Số người đống đầu, cáp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy rà hành ví tham những 70 Số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy rà hành ví tham những 71 Số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy rà nhành ví tham những Người 72 Số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham những đầu, cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu	56	Số vụ tham những được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vu	
58 5ể vụ việc có phán ánh, bác các về hành vị tham những đã được xem xét 59 5ể vụ tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, bác các về hành vị tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, bác các về hành vị tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, bác các về hành vị tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, bác các về hành vị tham những hạt hiện thông qua xem xét nội dung phần ánh, bác các về hành vị tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiểu nai, tổ các 62 5ể vự tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiểu nai, tổ các 63 5ể với thơng có hành vị tham những hoạt thiện qua giải quyết khiểu nai, tổ các 64 5ể vư tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác 65 5ể đổ tương có hành vị tham những hoạt động như trấn, nấu có) 66 5ể 5ể đổ tương có hành vị tham những qua các hoạt động khác 67 5ể đổ tương có hành vị tham những qua các hoạt động khác 68 5ể đổ tương có hành vị tham những phát hiện qua các hoạt động khác 69 5ể được thưng được phật hiện thông qua các hoạt động khác 60 5ể đổ tương tham những (thước phạm vị quản lý) đã được cơ quan chức nâng khởi tổ 60 5ể đổ tương tham những (thước phạm vị quản lý) đã được cơ quan chức nâng khởi tổ 61 5ể đổ tương tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luệt việt địc do 62 5ể người tổ các hành vị tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luệt việt địc do 63 5ể người để nà luệt lực các 64 5ể người để lị sử lý do có hành vị trả thủ người tổ các 65 5ể người để lị sử lý do có hành vị trà thủ người tổ các 67 5ể người để lự các phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xây là thiệm đầu là thiệm đầu là thiếu trách nhiệm để xây là nhiệm được đặc là chiết nhàm những đầu dà bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xây là nhàm những đầu cáp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xây là nhàm những đầu cáp phó người động đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xây là nhàm những đầu cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật đơ thiểu tr	57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
59 số vụ theo có phán ánh, báo cáo về hành vị tham những đã được xem xét 50 kỷ tham những phát hiện thống qua xem xét nội dung phần ánh, báo cáo về hành 10 khá thương có hành vị tham những phát hiện thống qua xem xét nội dung phân 11 số đối tượng có hành vị tham những phát hiện thống qua xem xét nội dung phân 12 số vụ tham những duọc phát hiện thống qua xem xét nội dung phân 13 số đối tượng có hành vị tham những phát hiện thống qua xem xét nội dung phân 13 số đối tượng có hành vị tham những phát hiện qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 14 số vụ tham những dược phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 15 số dối tượng có hành vị tham những họat đồng như trên, nếu có) 16 số đối tượng có hành vị tham những phát hiện qua các hoat động khác 17 qua điểu tra tội phẩm 18 số đối tượng tham những (thuộc phạm vị quán kỳ) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ 18 số đối tượng tham những (thuộc phạm vị quán kỳ) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ 18 số đối tượng tham những (thuộc phạm vị quán kỳ) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 18 số đối tượng tham những thuộc phạm vị quân kỳ) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 18 số người tổ cáo hành vị tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật 18 số người tổ cáo hành vị tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật 19 số người tổ cáo hành vị tham những đị trà thủ 10 số người tổ cáo hành vị tham những đã được khen, thưởng 10 số người đổ bịch kỳ lợ có có hành vị thám những 12 số người đố cáo hành vị tham những đã được khen, thưởng 13 số người đống đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xây 14 số người đểng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để 15 người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để 16 xấy ra tham hhững 17 số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật thai là thiểu trách nhiệm để 18 số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật thai là thiểu trách nhiệm để 18 số dữ lượng bị hàm thiếm thống kế theo kết quả xết xử sở thằm 18		Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
5ố vù tham những 15 số dối tương có hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phân ánh, báo cáo về hành 15 số đối tương có hành vi tham những 16 số đối tương có hành vi tham những 17 số vù tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tổ cáo 18 số vũ tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tổ cáo 19 số với tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tổ cáo 10 số đối tượng có hành vi tham những phát thiện qua giải quyết khiều nại, tổ cáo 10 số đối tượng có hành vi tham những phát điệng nêu trên, nêu có) 16 số vũ tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác 16 số đối tượng có hành vi tham những phát hiện qua các hoạt động khác 16 số đối tượng có hành vi tham những phát điệng nêu trên, nêu có) 17 số đối tượng tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 18 aố vự ân tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 18 aố vý, khen thưởng người đố cáo, phát hiện thàm những 16 số người tổ cáo hành vi tham những được được bảo vệ theo quá định của pháp luật 18 số người tổ cáo hành vi tham những được được bảo vệ theo quá định của pháp luật 18 số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 17 số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 18 số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 18 số người đống đầu, cáp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để xây 18 số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 18 số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị xử lý hị luật do thiều trách nhiệm để 18 số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật đo thiều trách nhiệm để 18 số người đứng đầu, cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật đó thiều trách nhiệm để 18 số vự tham những 18 số vự tham những đố được phát hiện, đạng được xem xét để xử lý (chưa có khá 18 số vụ việc tham những đã được phát hiện, đạng được xem xét để xử lý (chưa có khá 19 số vũ việc tham những đã được phát hiện, đạng được xem xét để xử lý (chưa có 18 số vụ việc	58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham những	Vụ việc	
số đó tương có hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phân ảnh, bác cáo về hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phân ảnh, bác cáo về hành vi tham những dực đương tổ cáo 62 Số vụ tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 72 Số đối tượng có hành vi tham những phát hiện qua giải quyết khiểu nại, tổ cáo 83 Số đối tượng có hành vi tham những họt động nữu trên, nếu có) 64 Số vụ tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác 65 Số đối tượng có hành vi tham những họt động khác 66 Số vụ thàm những được phát hiện thông qua các hoạt động khác 67 Vụ 68 Số dối tượng tham những (thuộc phạm vi quân lý) đã dược cơ quan chức năng khôi tổ 68 Số vụ an tham những (thuộc phạm vi quân lý) đã bị cơ quan chức năng khôi tổ 69 Số người tổ cáo hành vi tham những dực được bởo vệ theo quy định của pháp luất và tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những dực được bởo vệ theo quy định của pháp luất và tổ cáo hành vi tham những dực được bởo vệ theo quy định của pháp luất và tổ cáo hành vi tham những thư đã dược khen, thưởng 70 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thù 71 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thù 72 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thù 73 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bốo vệ theo quy định của pháp luất và tỷ tỷ tỷ thư tham những 74 Số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 75 Số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 76 Số người đố cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng 77 Số người đống đầu, cáp phô người đứng đầu bị kết luận là thiểu trách nhiệm để kảy 78 Người 79 Số người đứng đầu, cáp phô người đứng đầu bị kết luận là thiểu trách nhiệm để 79 Số người đứng đầu, cáp phổ người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để 79 Số vụ xiêc thành vi tham những đã được khen tháng kết kết quả kết xử sở thắm 79 Số vụ xiên thành những tro đống đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để 79 Người 79 Số vụ việc tham những thiệm thưng lợp là luận trong 79 Người 79 Số vụ việc tham những	59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
anh, bào cáo về hành vị tham những Qua cổng tác giất quyết khiều nại, tổ cáo Số vụ tham những dược phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tổ cáo Vụ 35 Số đối tượng có hành vị tham những phát hiện qua giải quyết khiều nại, tổ cáo Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nêu có) 45 Số vụ tham những dược phát hiện thông qua các hoạt động khác Qua điểu tra tiệ phạm 65 Số đối tượng có hành vị tham những phát hiện qua các hoạt động khác Qua điểu tra tiệ phạm 66 Số vụ án thạm những (thuộc phạm vị quản lý) đã dược cơ quan chức năng khởi tổ Vụ 67 Số đối tượng tham những (thuộc phạm vị quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 68 Số vụ án thạm những (thuộc phạm vị quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 69 Số người tổ cáo hành vị tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vị tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật về tổ cáo 69 Số người đổ bị xử lý do có hành vị tả thủ người tổ cáo 69 Số người đổ bị xử lý do có hành vị tả thủ người tổ cáo 69 Số người đố bị xử lý do có hành vị tả thủ người tổ cáo 70 Số người đố cáo hành vị tham những để được khen, thưởng 71 Số người tổ cáo hành vị tham những để được khen, thưởng 72 Số người đống đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xây rà hành vị tham những 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để Xáy ra tham những 74. 1 Khiến trách 75. Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để 76. 1 Cách chức 77. 1 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật có thiểu trách nhiệm để 78. 1 Vị THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỰC, ĐƠN Vị 78. Vụ từ tham những 79. Số dối tượng phạm tối tham những (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thắm của từa án; bò, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thắm đổi với các vụ án xây ra trong phạm vị quản lý trư tiếp) 79. Số dối tượng phạm tối tham những để dược xên xét thầm đổi với các vụ án xây ra trong phạm vị dụ thời thám những để dược phát hiện, đang được xem	60		Vụ	
63 Số dụ tham những được phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tổ cáo Người Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có) 64 Số vụ tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác Vụ 65 Số đối tương có hành vị tham những phát hiện qua các hoạt động khác Người Qua điều tra tội phạm 66 Số vụ án tham những (thuộc phạm vị quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tổ 70 Số đối tương tham những (thuộc phạm vị quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tổ 86 Người tổ cáo hành vị tham những được được bảo vệ theo quy dịnh của pháp luất 86 Số người tổ cáo hành vị tham những được được bảo vệ theo quy dịnh của pháp luất 86 Số người đổ bị xh lý do có hành vị trất thủ pháp duyết cáo, phát hiện tham những 87 Số người đổ bị xh lý do có hành vị trất thủ những 88 Số người đổ bị xh lý do có hành vị trất thủ những 89 Số người đố cáo hành vị tham những để được khen, thưởng 80 Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỚI ĐƯNG ĐÂU CƠ QUÂN, TỔ CHỮC, ĐƠN Vị 80 Người đố bị xh Người Đố người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để xảy 80 người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để 80 Người đưng đầu, cấp phó ngườ		Số đối tượng có hành vi tham những phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham những	người	
Số đối tượng có hành vi tham nhúng phát hiện qua giải quyết khiều nai, tổ cáo Người Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có) 55 Với tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác Người 55 Số đối tượng có hành vi tham nhúng phát hiện qua các hoạt động khác Qua điều tra tội phạm 56 Số vụ án tham nhúng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tổ 70 Số đối tượng tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 86 Số đối tượng tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ 87 Số người tổ các hành vi tham những được được được bảo vệ theo quy định của pháp luật 88 Số người tổ các hành vi tham những được được được bảo vệ theo quy định của pháp luật 89 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 89 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 90 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 10 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 11 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 12 Người 13 Số người đổ bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ các 14 Người 15 Người đổng đầu, cấp pho người đứng đầu bị kết luận là thiểu trách nhiệm để xảy 16 người đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách 17 Người 18 Người dững đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách 18 người dững đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách 18 người dững đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để 18 người đưng đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để 18 người đưng đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý khinh sự do thiểu trách 18 người 19 Số người đứng đầu, cấp pho người đứng đầu đã bị xử lý luật do thiểu trách nhiệm để 19 Người 10 Người 11 Người 12 Người 13 Người 14 Người 15 Người 16 Người 17 Người 18				
Qua các hoạt đặng khác (ngoài những hoạt đặng nêu trên, nếu có) Vu 64 Số vụ tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác Vu 65 Số đổi tượng có hành vì tham những phát hiện qua các hoạt động khác Người Gua điểu tra tội phạm Vu 66 Số vụ án tham những (thuộc phạm vì quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố Vụ 67 Số đổi tượng tham những (thuộc phạm vì quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố Người 68 Số đổi tượng tham những (thuộc phạm vì quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố Người 68 Số đổi tượng tham những được được bảo vệ theo quy định của pháp luất và thư tham những được được bảo vệ theo quy định của pháp luất và thư tham những để số người đó cáo hành vì tham những để được khen, thưởng họi tổ cáo hành vì tham những để được khen, thưởng họi tổ cáo hại và tham những để được khen, thưởng họi tổ cáo hại và thư tham những họi tổ cáo hành vì tham những để được khen, thưởng họi tổ cáo hại và thư thư họi họi thách họi mà những hành vì tham những để được khen, thưởng họi tổ cáo hại thư những để cáy ra hành vì tham những để dụ cáp phó người đứng đầu bị kết luận là thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những để thọi phư người bị kỷ kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những để thọi thương pháp luật thượng họi thượng thống kế kết quả xét xử sơ thầm chu thướn thương đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những để theo kết quả xét xử sơ thầm chu thượng họi kết tán tham những để thọi họi thương họi kết đị thư ng bạm vị quản lý trư tiếp) 72 S	62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiều nại, tô cáo	Vų	<u> </u>
Số vụ tham những được phát hiện thông qua các hoạt động khác Số đối tượng có hành vì tham những phát hiện qua các hoạt động khác Qua điều tra tội phạm 66 Số vụ án tham những (thuộc phạm vì quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố Vụ 67 Số đối tượng tham những (thuộc phạm vì quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố Người 88 Người tố các hành vì tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật vệ tố các 69 Số người tố các hành vì tham những bị trả thủ 70 Số người tố các hành vì tham những bị trả thủ 71 Số người tố các hành vì tham những đã dực khen, thưởng Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỚI ĐƯNG ĐÂU CƠ QUAN, TỔ CHỮC, ĐƠN VỊ KHI ĐỆ XÂY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kil nh sự do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những 75 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những 76 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những 77 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những 78 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những 79 Số người đứng đầu cáp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiểu trách nhiệm để xây ra tham những Người 79 Số dối tượng phạm lời tham hồng (lia phương thống kẽ kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thầm rối của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thầm Người 79 Số dối tượng phạm tối tham những đã được xết lợi lệi nhiêm trong Người 70 Số đối tượng phạm tối tham những đã đư	63	Số đối tượng có hành vi tham những phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
65 Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác Người Qua điều tra tới phạm 66 Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố Vụ 67 Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố 88 Vật khên thưởng người tổ cáo, phát hiện tham nhũng 68 Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật vệ tổ cáo 69 Số người đố cáo hành vi tham nhũng bị trấ thủ Số người đố cáo hành vi tham nhũng bị trấ thủ 70 Số người đố cáo hành vi tham nhũng bị trấ thủ 71 Số người đố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỮNG ĐÂU CƠ QUAN, TỔ CHỮC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự đỏ thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật đơ thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 75 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 76 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 77 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 78 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để 79 Số vụ án tham nhũng đã đượ ra xét xử (địa phương thóng kẻ kết quả xét xử sơ thàm của tòa ah; bộ, ngành thông kẻ theo kết quả xét xử sơ thằm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đố: 79 Số đối tượng phạm tối tham nhũng rất nghiệm trọng 79 Người 79 Số đổi tượng phạm tối tham nhũng rất nghiệm trọng 79 Số đổi tượng phạm tối tham nhũng rất nghiệm trọng 80 Vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụa xà xỳ lý chưa có kết vụa xà xỳ lý chưa có kết vụa xà xỳ lịc chua có kết quả xờ từ lý (chưa có		Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		····
Qua điều tra tội phạm 66 Số vụ án tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố Vụ 67 Số đổi tượng tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố Người Bảo vệ, khen thưởng người tổ cáo, phát hiện tham những 68 Số người tổ cáo hành vi tham những được được bào vệ theo quy định của pháp luật vệ tổ cáo 69 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thủ Người 70 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thủ Người 71 Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thủ Người 72 Số người tổ cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng Người 73 Số người đương đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hạnh vi tham những 75 Số người dững đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hạnh vi tham những 76 Số người dững đầu, cấp phó người đứng đầu bị kử liện lại thiếu trách nhiệm để xảy ra tham những 77 Người 78 Người 79 Người 70 Người 7	64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác		
Gua điều tra tội phạm 66 Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố Vụ 67 Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố 88 Người tố các hành vi tham nhũng được được bão vệ theo quy định của pháp luật về tổ các 69 Số người tổ các hành vi tham nhũng bị trả thù Người 70 Số người đó các hành vi tham nhũng bị trả thù Người Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐÂU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 55 người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi ham nhũng 55 người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kệt luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kị luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 74.1 - Khiển trách 75.2 - Cânh các XỮ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đượ ra xet xử (địa phương thống kẽ kết quả xét xử sơ thầm cóu toá an, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá an, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá an, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá an, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm cóu toá ain, bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm người 76.1 - Số đối tượng pham tới tham những nghiệm trong Người 77.5 Số dối tượng thư từ thầu mà những đã biết nhiệm, dang được xem xét để xử lý (chưa có Người	65		Người	
66 Số vu án tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tổ Vụ 67 Số đối tượng tham những (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tổ Người 68 Số người tổ cao hành vi tham những được được bảo vệ theo quy định của pháp luật và tổ cáo Người 68 Số người tổ cao hành vi tham những bị trá thủ Người 70 Số người đó cáo hành vi tham những bị trá thủ người tổ cáo Người 71 Số người đó cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng Người 72 Trá CH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯNG GÂU CƠ QUAN, TỔ CHÚC, ĐƠN VI KH ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG Số người đứng đầu, cấp phô người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những 73 Số người đứng đầu, cấp phô người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những Người 74 Số người đứng đầu, cấp phô người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham những Người 74.1 - Khến trách Người 74.2 - Cânh cáo Người 74.3 - Cách chức Người 74.1 - Khến trách Người 75 số và tham những đã được khá và ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thằm củi với các vụ án xảy ra trong phạm vì quản lý trực t				
Bảo vệ, khen thướng người tổ cáo, phát hiện tham những Số người tổ cáo hành vi tham những được được bảo vệ theo quy định của pháp luật vệ tổ cáo Số người tổ cáo hành vi tham những bị trả thủ Người Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thủ người tổ cáo Người Người Người Người Người Người Người Người Người Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỚI ĐƯNG ĐẦU CƠ QUAN, TÓ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra thành những A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để Người A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để Người A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để Người A Số người đưng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để Người A Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật đưng trách nhiệm để Người	66		Vụ	
Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bào vệ theo quy định của pháp luật vệ tố cáo Số người tổ cáo hành vi tham nhũng bị trả thủ Người Số người đã bị xử lý do có hành vi trà thủ người tố cáo Người Số người đã bị xử lý do có hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỬNG ĐẦU CƠ QUAN, TÓ CHỮC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 14. I - Khiến trách Người 14. I - Khiến trách Người 15 Cảnh cáo Người XỮ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỐ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ ân tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thầm của tòa ân; bỏ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thầm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong độ. 15 Số đối tượng phạm tội tham nhũng địa nghiêm trọng Người 16.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đã chiệt nghiêm trọng Người	67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bào vệ theo quy định của pháp luật vệ tố cáo Số người tổ cáo hành vi tham nhũng bị trả thủ Người Số người đã bị xử lý do có hành vi trà thủ người tố cáo Người Số người đã bị xử lý do có hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỬNG ĐẦU CƠ QUAN, TÓ CHỮC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 14. I - Khiến trách Người 14. I - Khiến trách Người 15 Cảnh cáo Người XỮ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỐ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ ân tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thầm của tòa ân; bỏ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thầm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong độ. 15 Số đối tượng phạm tội tham nhũng địa nghiêm trọng Người 16.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đã chiệt nghiêm trọng Người		Bảo vê, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
69 Số người tổ cáo hành vi tham nhũng bị trả thủ Người 70 Số người đố bị xử lý do có hành vì trả thủ người tổ cáo Người 71 Số người đố cáo hành vì tham nhũng đã được khen, thưởng Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỮNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham nhũng 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vì tham nhũng 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng 74 Người 74.2 - Cánh cáo Người 74.3 - Cách chức XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỐ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thầm của toà an; bộ, ngành thống kế theo kết tham hhũng địc thịch thạm rong Người 75 Số đổi tượng phạm tội tham nhũng để biệt nghiệm trọng Người 76.2 - Số đổi tương phạm tội tham nhũng đã biệt nghiệm trọng Người 77 Số đổi tượng tham nhũng đã bược phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật	Người	
70 Số người đã bị xử lý do có hành vi trà thủ người tổ cáo Người 71 Số người tổ cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thường Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỬNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỬC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xáy ra tham nhũng 74.1 - Khiến trách 75.2 - Cánh cáo 76.1 - Cách chức 77.3 - Cách chức 77.5 - Cách chức 78.5 - Cách chức 79.5 - Cách chức 70.5 - Cá	69		Người	
71 Số người tổ cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng Người Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỮNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỮC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG 72 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những Người 73 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiểu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những Người 74 Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiểu trách nhiệm để xáy ra tham những Người 74.1 - Khiến trách Người 74.2 - Cánh cáo Người 74.3 - Cách chức Người XỮ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỮC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham những đã đưa ra xét xử (địa phương thống kẻ kết quả xét xử sơ thằm cóu tỏa án; bỏ, ngành thống kẻ theo kết quả xét xử sơ thằm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đố: Vụ 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham những th nghiệm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiệm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham những đã biệt nghiệm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đã biệt nghiệm trọng Người 77 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những </td <td></td> <td></td> <td></td> <td></td>				
Xử LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỰNG ĐẦU CƠ QUẨN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XÂY RA THAM NHỮNG Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vị tham những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiều trách nhiệm để xảy ra hành vị tham những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiều trách nhiệm để xảy ra tham những 74. Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiều trách nhiệm để xáy ra tham những 74.1 - Khiến trách Người 74.2 - Cảnh cáo Người 74.3 - Cách chức XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỐ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham những đã đưa ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xẩy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) Số đổi tương bị kết án tham những (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xẩy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) trong đố: 76.1 - Số đối tương phạm tối tham những ti nghiệm trọng Người 76.2 - Sổ đối tương phạm tối tham những rất nghiệm trọng Người 76.3 - Sổ đối tương phạm tối tham những đãc biệt nghiệm trọng Người 76.4 - Số đối tương phạm tối tham những đãc biệt nghiệm trọng Người 76.5 - Sổ đối tương phạm tối tham những đãc biệt nghiệm trọng Người 76.5 - Số đối tượng phạm tối tham những đãc biệt nghiệm trọng Người 77 - Số cáo tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) 80 - Sổ đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người	***			
Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xẩy ra hành vi tham những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham những Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham những 74. Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham những 74.1 - Khiến trách 74.2 - Cảnh cáo Người Xử LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỐ CHỨC, ĐƠN V! Số vụ án tham những đã đưa ra xét xử (đị a phương thống kế kết quả xét xử sơ thẩm của toá án; bộ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đổi tượng bị kết án tham những (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đố: 76 Số đối tương phạm tội tham những theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đố: 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham những nghiệm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham những nghiệm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đã biệt nghiệm trọng Người 77. Số vụ việc tham những đã được xử lý kỳ luật hành chính về hành vi tham những Số vu việc tham những đã được phát hiện, đạng được xem xét để xử lý (chưa có kết vụa xử lý) Số đổi tượng tham những đã được phát hiện, đạng được xem xét để xử lý (chưa có	7 1	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHỮNG		
nhiệm đề xây ra hành vi tham nhũng Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỳ luật do thiếu trách nhiệm để xáy ra tham nhũng 74.1 - Khiến trách 74.2 - Cảnh cáo Người Xử LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN Vị Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thằm của tòa án; bỏ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thằm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đổi tương bị kết án tham nhũng (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thằm của tòa án; bỏ, ngành thống kế theo kết quả xét xử sơ thằm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đổi tương bị kết án tham nhũng (địa phương thống kế kết quả xét xử sơ thằm của tòa án; bỏ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thằm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: 76.1 - Số đổi tương phạm tội tham nhũng th nghiệm trọng Người 76.2 - Số đổi tương phạm tội tham nhũng rất nghiệm trọng Người 76.3 - Số đổi tương phạm tội tham nhũng đã được xử lý hành chính Vụ Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý) Số đổi tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có	72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
74.1 - Khiến trách Người 74.2 - Cảnh cáo Người 74.3 - Cách chức Người Xử LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TÔ CHỨC, ĐƠN V! Số vụ ân tham những đã đưa ra xét xử (địa phương thống kẻ kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bỏ, ngành thống kẻ theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) Vụ 76 của tòa án; bỏ, ngành thống kẻ theo két quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) trong đó: Người 76.1 - Số đối tượng phạm tối tham những lt nghiệm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tối tham những nghiệm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tối tham những đặc biệt nghiệm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiệm trọng Người 77 Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính Vụ 78 Số cán bỏ, công chức, viên chức bị xử lý kỳ luật hành chính về hành vì tham những Người 79 Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) Vụ 80 Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người	73	nhiệm để xảy ra hành vi tham những	Người	
74.1 - Khiến trách 74.2 - Cảnh cáo 74.3 - Cách chức Xử LÝ THAM NHŪNG TRONG CƠ QUAN, TÓ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bò, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bò, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) trong đó: 76 toà đối tượng phạm tội tham nhũng lt nghiêm trọng 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đất nghiêm trọng 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đãc biệt nghiêm trọng 77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính 78 Số can bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng 79 Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ xử lý) 80 Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	74		Người	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
74.2 - Cảnh cáo 74.3 - Cách chức Xử LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỬC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đổi với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) Số đổi tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đổi với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp) trong đó: 76.1 - Số đổi tượng phạm tội tham những lt nghiệm trọng 76.2 - Số đổi tượng phạm tội tham những nghiệm trọng 76.3 - Số đổi tượng phạm tội tham những rất nghiệm trọng 76.4 - Số đổi tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiệm trọng 77. Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính 8ố cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những 79. Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) 80. Số đổi tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	74.1		Người	
74.3 - Cách chức XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng lt nghiệm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiệm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiệm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiệm trọng Người 77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính Vụ 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người			Người	
XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng lt nghiêm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng Người 77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính Vụ Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có			Người	
Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đố: 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng Người 77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính Vụ Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người	74.0			
Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: 76.1 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng 77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng 79 Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) 80 Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vị quản lý trực tiếp)	Vų	
76.1 - Số đối tượng phạm tội tham những lt nghiêm trọng Người 76.2 - Số đối tượng phạm tội tham những nghiêm trọng Người 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng Người 77 Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính Vụ 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết Vụ 80 Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kẽ theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra	Người	
76.2 - Số đối tượng phạm tội tham những nghiêm trọng 76.3 - Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng 77 Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những 79 Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ xử lý) 80 Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người	76.1		Người	
76.3 - Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng Người 76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng Người 77 Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính Vụ 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những Người 79 Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ xử lý) 80 Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người			Người	
76.4 - Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng 77 Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những 79 Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ xử lý) 80 Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người			Người	
77 Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính 78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng 79 Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) 80 Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người				
78 Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng Người 79 Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ lý) 80 Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người			<u>~</u> _~	
Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có Người				
Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có		Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết	Vψ	
	80	Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có	Người	

81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
82	Đất đai	m ²	 	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường	111	 	
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		· ·
83.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triêu		
83.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	 	
84	Đất đại	m ²		
84.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²		
84.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	+	·
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
86	Đất đại	m ²		
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)			
87	Tổng số vụ việc tham những trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	vụ .		
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người		
89	Số vụ việc tham những trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ		
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	<u> </u>	
91 92	Số vụ việc tham những trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ		<u></u>
32	Số đối tượng tham những trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người		
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG TRONG DOANH NGHIỆP, TÒ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC			
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức		
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC	Tổ chức		
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC	Tổ chức		
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát	Vụ		
97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	-	
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người		
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	plan.	
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dụng mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn
- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo
- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ (Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../...)

(Kèm theo Báo cáo số:ngày....tháng ...năm...... của)

тт	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1					
2					
Tổng số:					

KÉT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỞ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG, TIÊU CỰC^(*) (Số liêu tính từ ngày..../.....đến....ngày.../....)

			Nội dung sơ hở,		Kết quả khẩ	ic phục	
тт	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan bản hành văn bản	dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực		Chưa khắc phục xông	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	' Ghi chú
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
2							
Tổng số:	•						

` Hướng dẫn cách ghi biểu:

(1) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)

TÔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY ĐỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

Số liệu tính từ ngày..../...đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số:.....ngày..../../ của)

Đơn vị tính: Người

	Số lược		hức, viên ng trong l		ròri lao	Số lượi động tr	ng biến ong kỳ			-		Đảo t	ao, bỏi	dưỡng	ı nghiệ	p vụ						Vi phạm và kết quả xử				lý	
			Trong	g 6 6			-	Số người được	Tổn	g số	•				Tron	ıg đó					-	số cá ri phạm	Đā x	kử lý	_	/à chưa r lý	
Đơn vị		Số TTV	Số TTV	Số TTV				chuyển đối vị trí				nh tra ên	Than viên d	h tra chính	1	ih tra ao cấp		công (N, TC	Kh	iác							
	Tổng số	cao cấp và tương đương	chính và tương	và tương đương	Khác	Täng	Giảm	công tác	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đâ thực hiện	Nhu cảu	Đã thực hiện		1 10 100	Nhu cầu	Đã thực hiện	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hinh sự	
мѕ	1=2+3+4+ 5	2	3	4	5	6	7	8	9=11+13+15 +17+19	10=12+14+1 6+18+20	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	. 23	24	25	26	
								-																			

27. Ghi chú:

Ηướng dẫn cách ghi biểu:

- Biểu này chỉ áp dụng đối với báo cáo sơ kết 6 tháng và báo cáo tổng kết năm

- Cột (1) = Cột (2) + Cột (3) + Cột (4)+ Cột (5)

- Cột (6): Biến động tăng về số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo gồm: Tiếp nhận, tuyển dụng ...

- Cột (7): Biến động giảm về số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo gồm: Nghỉ hưu, chuyển công tác, bị kỷ luật buộc thôi việc ...

- Cột (9) = Cột (11) + (13) + (15) + (17) + (19) là nhu cầu về đào tạo, bồi đưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Cột (10) = Cột (12) + (14) + (16) + (18) + (20) là kết quả về đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Cột (17), (18) là nhu cầu và kết quả đảo tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Cột (19), (20) là nhu cầu và kết quả đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của TTCP, VD: nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành y tế, đất đai, xây dựng, nghiệp vụ thống kê, tổng hợp báo cáo...

- Cột (21) - cột (26) là số lượng cán bộ làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KN, TC và PCTN có vi phạm phải xử lý và kết quả xử lý

- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 27 (nếu có)

Biểu số: 02/QLNN

TÔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../....

(Kèm theo Báo cáo số:..... ngày..../... của)

	đạo (Bộ	i văn bản qu , ngành, tỉnh ng tác thanh	, TP) về	Tập huấn, tư giáo dục p than	háp luật về	7	ſhanh tra trác	h nhiệm t về thanh	-	ện phá	p luật		Kết quả thi		ı kết lu: nhiệm	t luận thanh t ệm		
Đơn vị	bản ban	Số văn bản được sửa	Số văn bản bãi	Lớp	Người	Tổng số	Số cuộc đã ban hành	Số đơn vị được	xử lý	nghị hành ính	chuy	ı nghị /ển cơ điều tra	Tổng số kết luận phải		ử lý chính	Đã k	hởi tố	
	hành mới	đổi, bổ sung	bò		J	cuộc	kết luận	thanh tra	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	thực hiện	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	· 14	15	16	17	

18. Ghí chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (6): Thống kể tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện trong kỳ báo cáo (gồm triển khai trong kỳ và triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận chuyển sang).

- Cột (7): Số kết luận thanh tra, kiểm tra đã ban hành trong kỳ báo cáo

- Số liệu từ Cột (8) đến Cột (12) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra nêu tại Cột (7)

- Cột (8): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra theo kết luận thanh tra

- Cột (13): Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm số kết luận phải thực hiện trong kỳ và số kết luận từ kỳ trước chưa thực hiện xong chuyển sang

- Từ Cột (14) - Cột (17): Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với các kết luận nêu tại Cột (13)

- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 18 (nếu có)

TÔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÉP CÔNG DĀN, KHIẾU NẠI, TÓ CÁO Số liệu tính từ ngày..../....đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

-	đạo (Bộ	n văn bản qu , ngành, tỉnh ; tác TCD, K	h, TP) về	giáo dục p	uyên truyền, háp luật về KN, TC			Than	h tra trách	n nhiệm		-	Kết quả	uyết địni hiệm	า xử lý		
Đơn vị	Số văn	Số văn	Số văn				n pháp luật), KN, TC	Số cuộc		Kiế	n nghị xử lý		Tong so	Đã xử lý l	nành chính	Đã ki	hởi tố
i i	bàn ban	bản được sửa đổi,	bản hủy	Số lớp	Số người	,	,	đã ban hành kết	Hành (chính	Chuyển cơ	quan điều tra	KLTT thực			Tổ	Cá
	hành mới:	bổ sung	bò			Số cuộc	Số đơn vị	luận	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	hiện	Tổ chức	Cá nhân	chức	nhân
MS	1	. 2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		· ·															

18. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Biểu này phục vụ xây dựng Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (VD: Báo cáo hằng năm phục vụ Quốc hội về công tác giải quyết KNTC...)
- Cột (6): Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm các cuộc triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận và các cuộc triển khai trong kỳ
- Cột (7): Tổng số đơn vị được thanh tra trách nhiệm (theo quyết định của các cuộc thanh tra thống kê tại Cột (6))
- Côt (8): Tổng số kết luận thanh tra ban hành trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= Cột (6)
- Từ Cột (9) đến Cột (13) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (12))
- Cột (13): Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện trong kỳ, gồm kết luận ban hành từ các kỳ trước chưa thực hiện xong và kết luận ban hành trong kỳ báo cáo phải thực
- Từ Cột (14) đến Cột (17) là số liệu tổng hợp từ kết quả thực hiện các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (13))
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 18 (nếu có)

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 447/QĐ-TTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYÉT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-TTCP ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc điều chỉnh Kế hoạch xây dựng thể chế năm 2023 của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYÉT ĐỊNH:

- Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Thông tư quy dịnh chế dộ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những (thay thế Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ), gồm các ông (bà) có tên sau đây:
 - 1. Ông Trần Đăng Vinh, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Tổ trưởng;
 - 2. Ông Lê Quang Linh, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Tổ phó;
- 3. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Tổng hợp, Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Thành viên;
- 4. Bà Nguyễn Thu Nga, Phó trưởng Phòng Tổng hợp, Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Thành viên;
- 5. Ông Khổng Minh Hài, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Thanh tra Bộ Công an, Thành viên;

- 6. Bà Bùi Thị Mỹ Quỳnh, Thanh tra viên chính, Trưởng phòng Tài vụ, Văn Phòng, Thành viên;
 - 7. Ông Lương Duy Huy, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Cục I, Thành viên;
 - 8. Ông Khúc Ngọc Tuấn, Thanh tra viên chính, Cục IV, Thành viên;
 - 9. Bà Phạm Hồng Trang, Thanh tra viên chính, Vụ III, Thành viên;
 - 10. Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Thanh tra viên chính, Vụ Pháp chế, Thành viên;
 - 11. Bà Bùi Kim Cương, Thanh tra viên chính, Cục II, Thành viên;
 - 12. Bà Vũ Thị Hương, Thanh tra viên chính, Ban Tiếp công dân TW, Thành viên;
 - 13. Bà Nguyễn Thị Liên, Thanh tra viên, Vụ Kế hoạch Tổng họp, Thành viên;
 - 14. Ông Nguyễn Hữu Thịnh, Thanh tra viên, Thanh tra Bộ Tài chính, Thành viên,
- 15. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Thanh tra viên, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thành viên;
 - 16. Ông Nguyễn Đức Đạt, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Thành viên Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ soạn thảo

Tổ soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham những (thay thế Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ) trình Tổng Thanh tra Chính phủ ký ban hành.

Thành viên Tổ soạn thảo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ soạn thảo theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ soạn thảo.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ soạn thảo tự giải thể sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 🎾

- Như Điều 3;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng TTCP;
- Luu: VT, KHTH.10

KT. TỔNG THANH TRA PHÓ TỔNG THANH TRA

Đặng Công Huẩn